



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP ICD Tân Cảng Sóng Thần

Ngày 30/09/2025	37,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-7.3%	8.2%	-0.9%

DT thuần Q3/25
128
tỷ VNĐ
QoQ: ▼9.00 -6.6%
YoY: ▲ 15.0 13.3%

LN thuần Q3/25
31.3
tỷ VNĐ
QoQ: ▼2.60 -7.8%
YoY: ▲ 9.80 45.4%

LN sau thuế Q3/25
25.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▼2.20 -8.0%
YoY: ▲ 7.70 44.7%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
24.7%
YoY: +/-▼ 0.4%

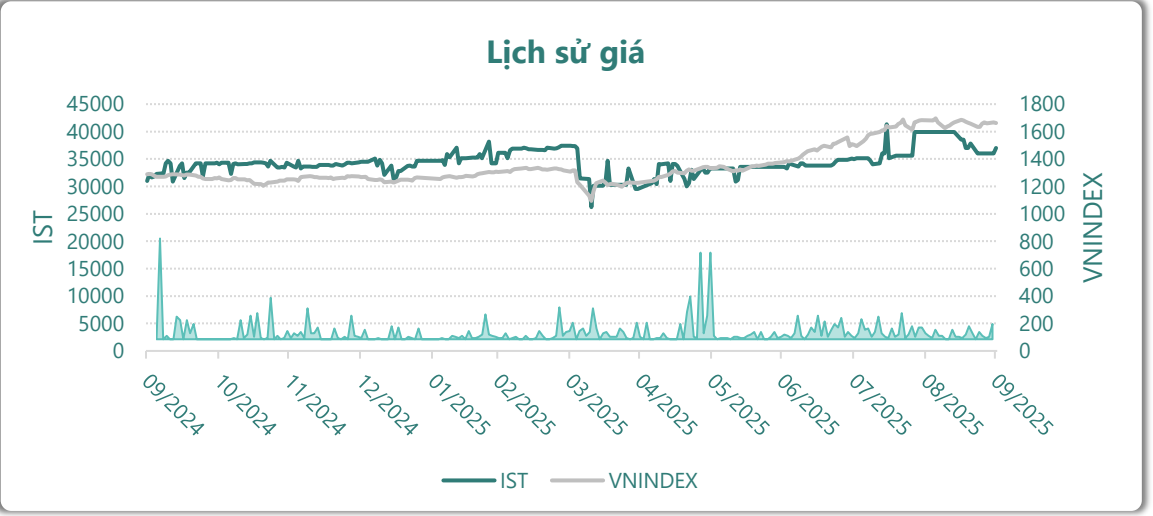
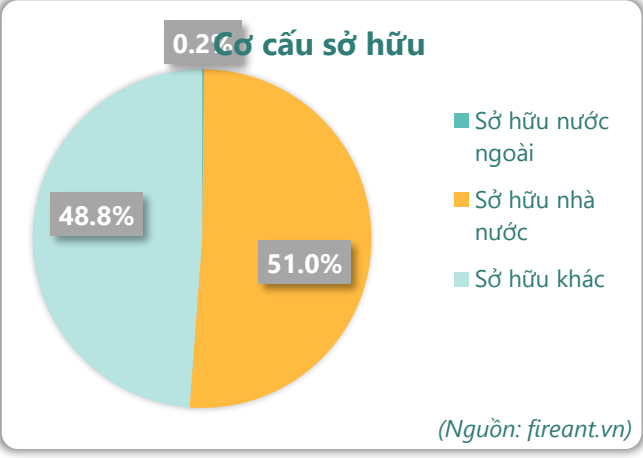
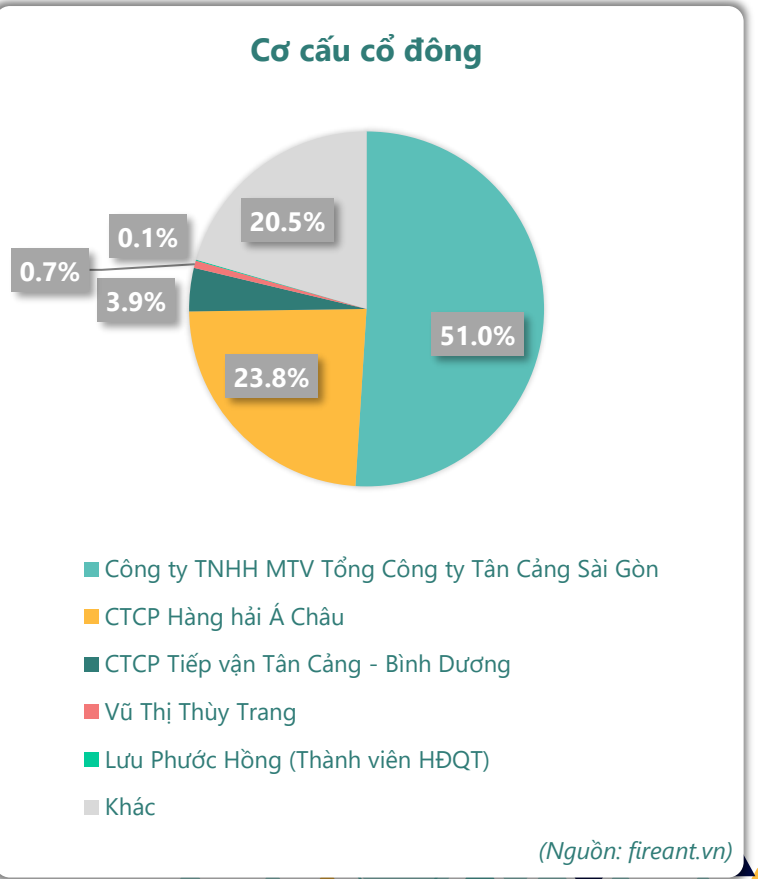
ROE (TTM) Q3/25
33.8%
YoY: +/-▲ 2.7%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	26,220 - 41,325
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	555
Số lượng CPLH (CP)	15,008,492
KLGD BQ 20 phiên (CP)	790
Sở hữu nước ngoài	0.2%
Beta	0.69
EPS	5,507
P/E	6.7

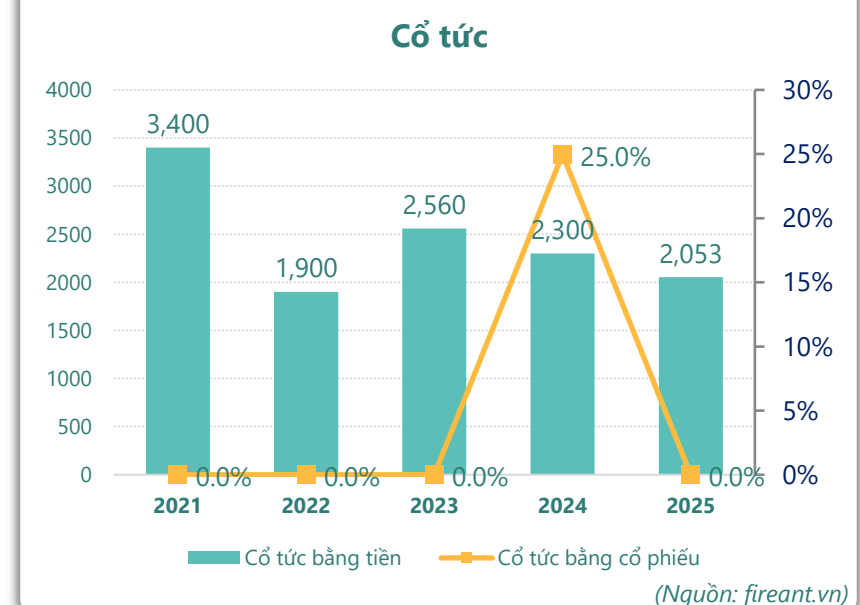
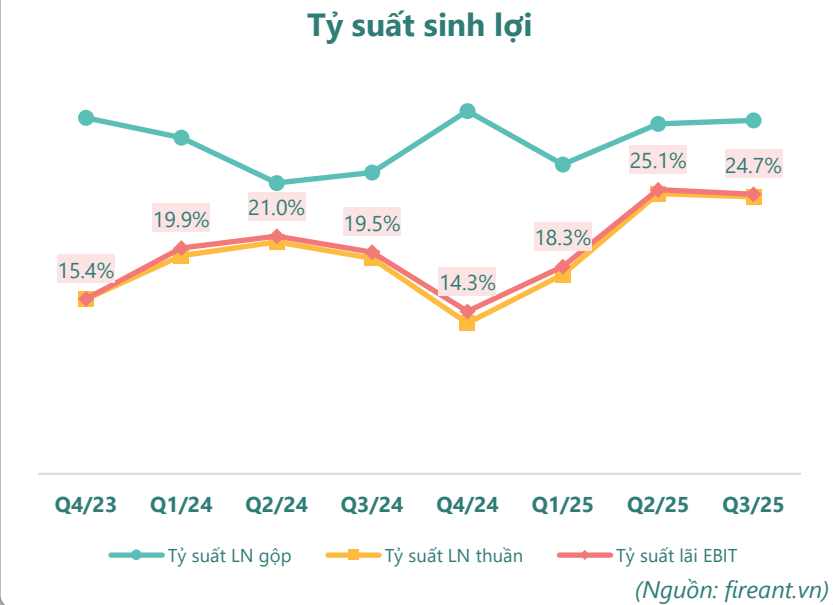
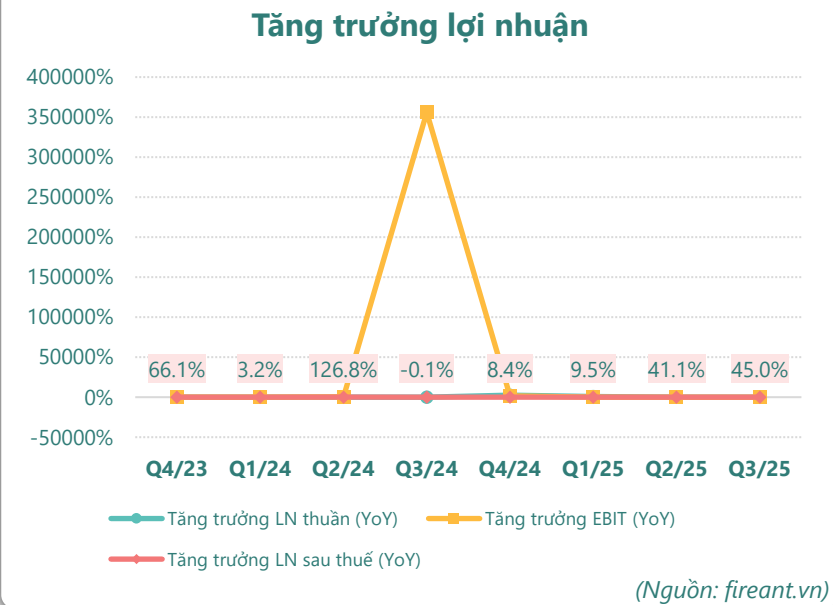
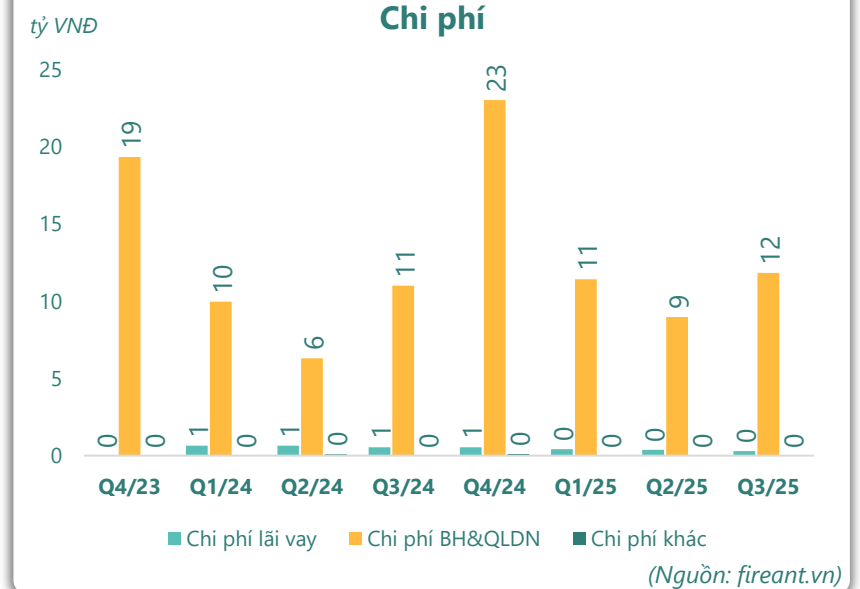
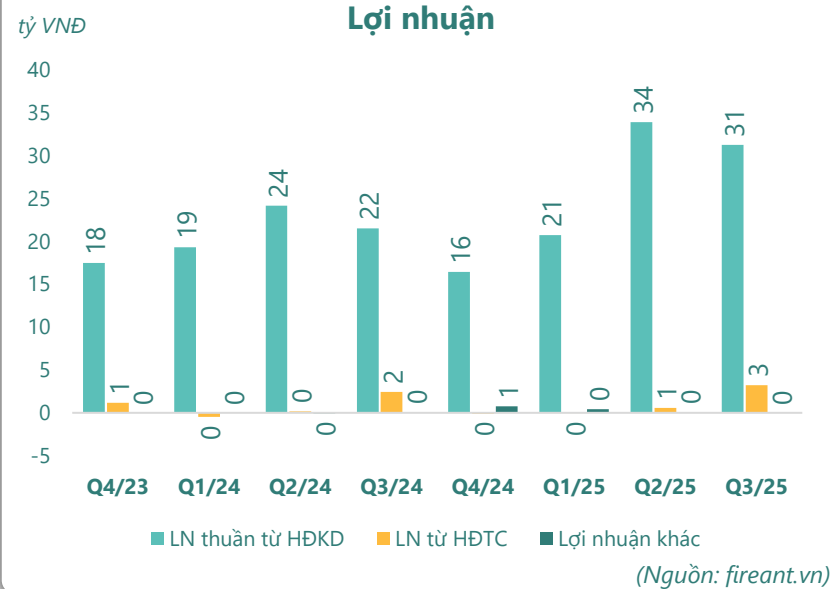
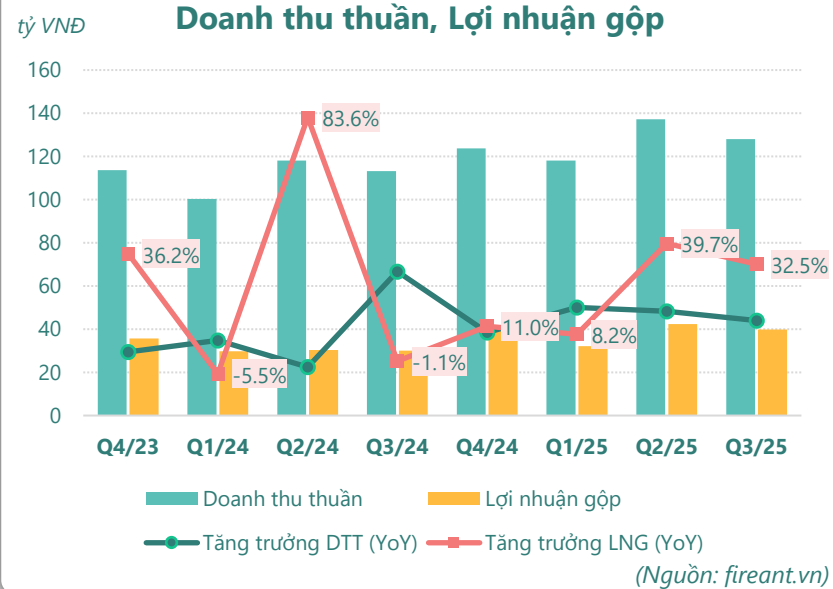
DT thuần 9T 2025
383
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 51.0 15.5%

LN thuần 9T 2025
85.9
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 20.9 32.2%

LN sau thuế 9T 2025
69.2
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 17.2 33.0%



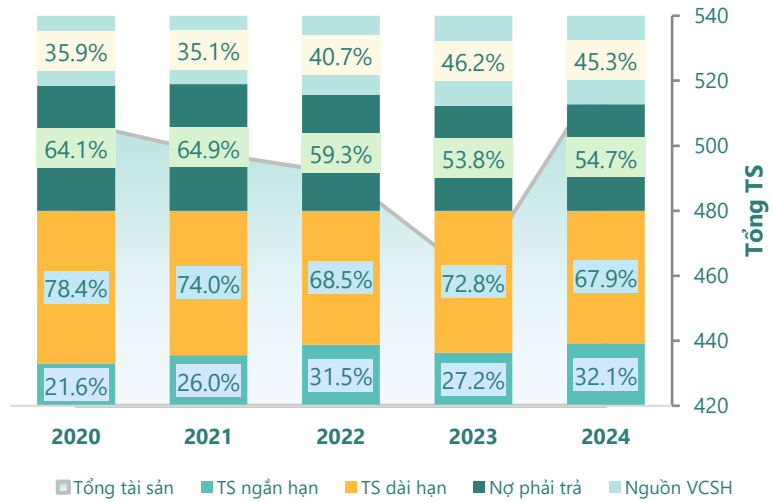
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

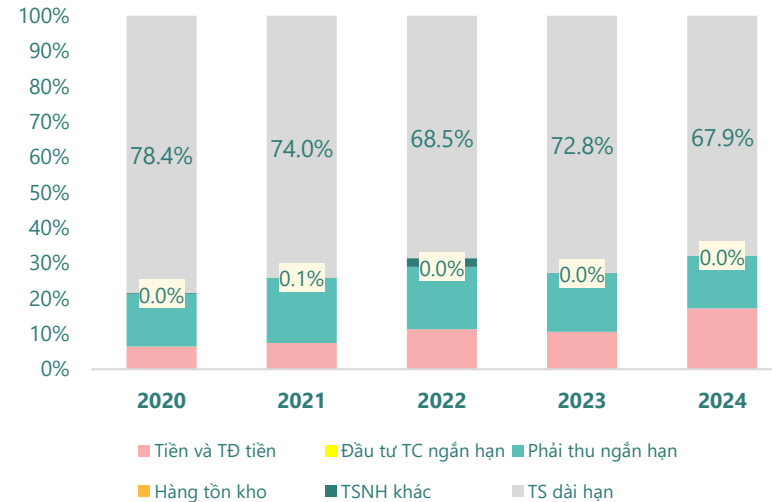
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

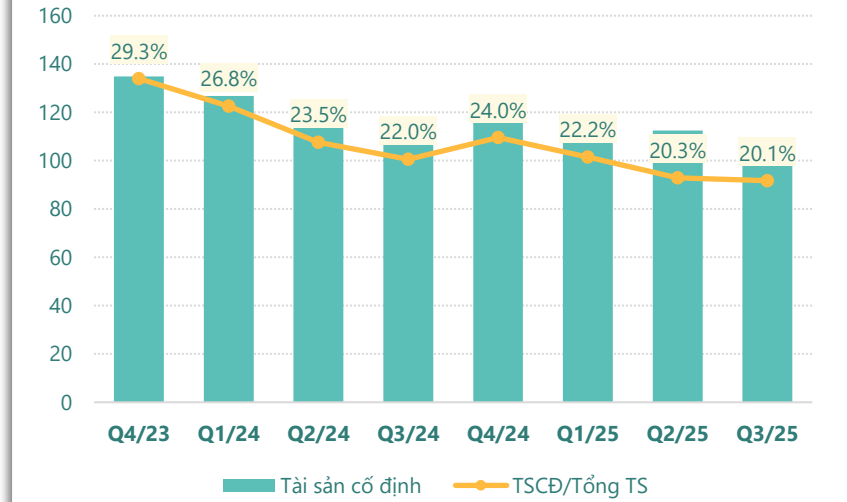
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

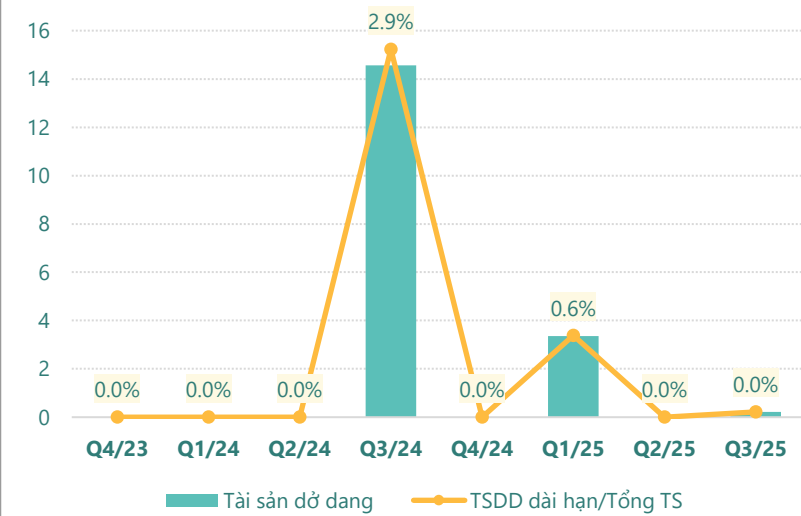
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

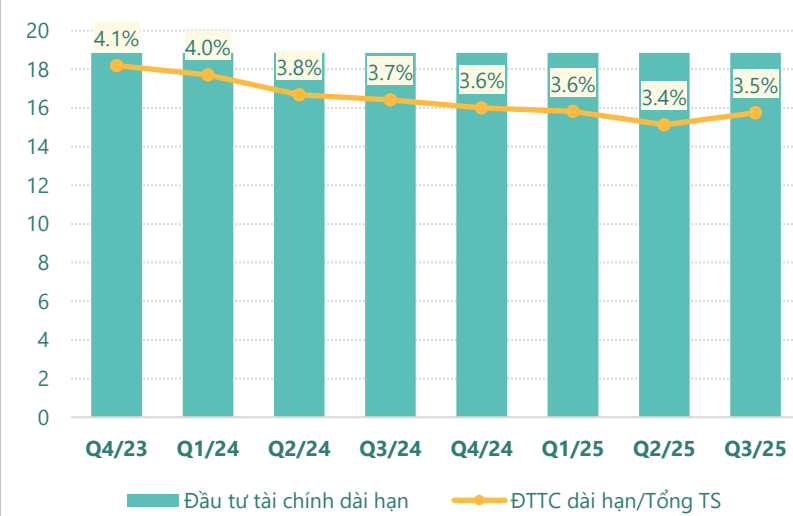
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

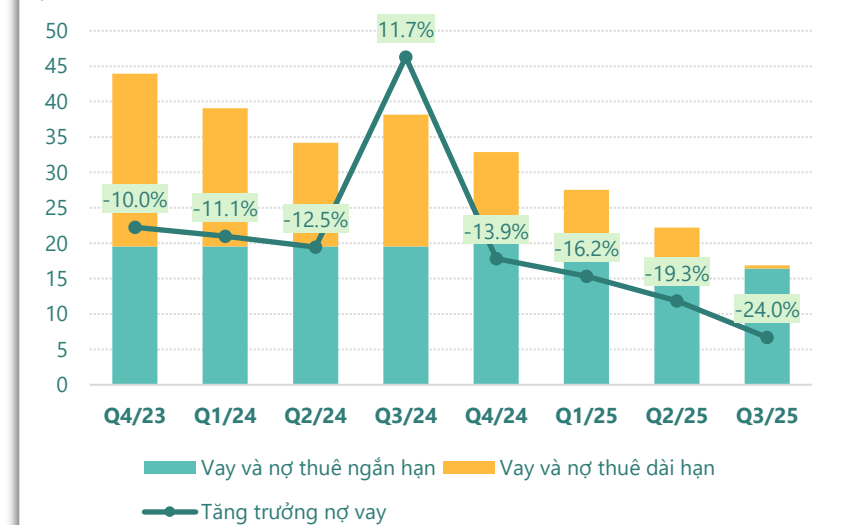
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

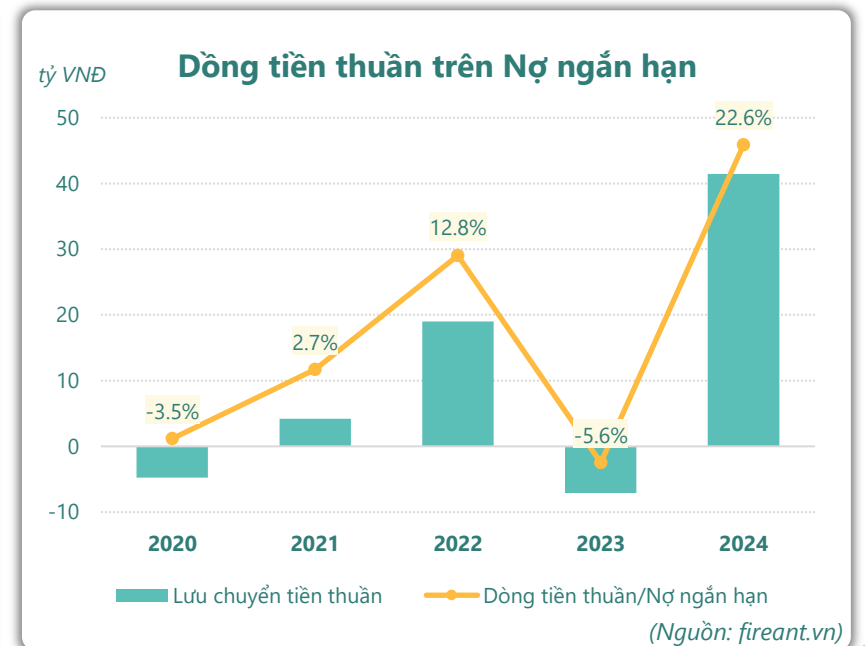
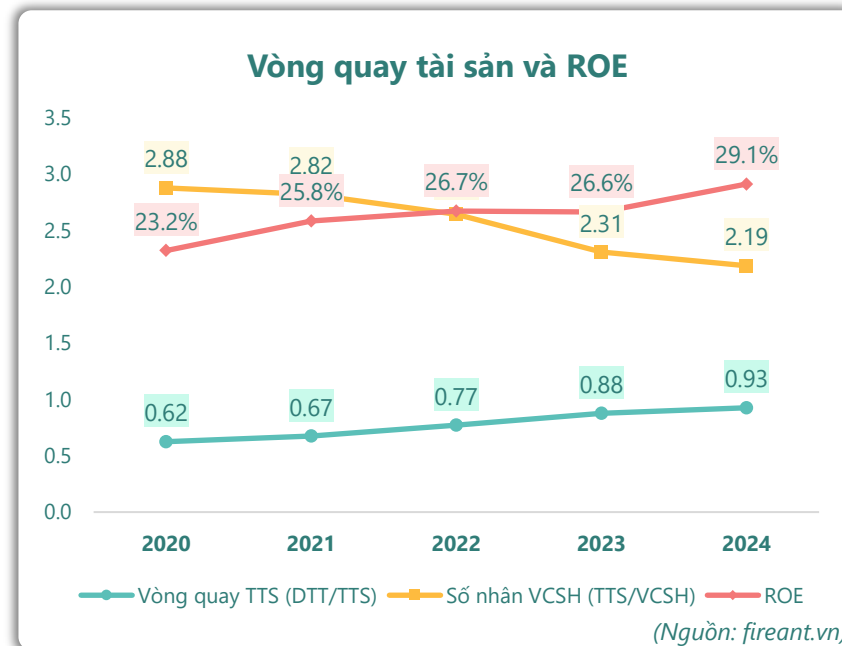
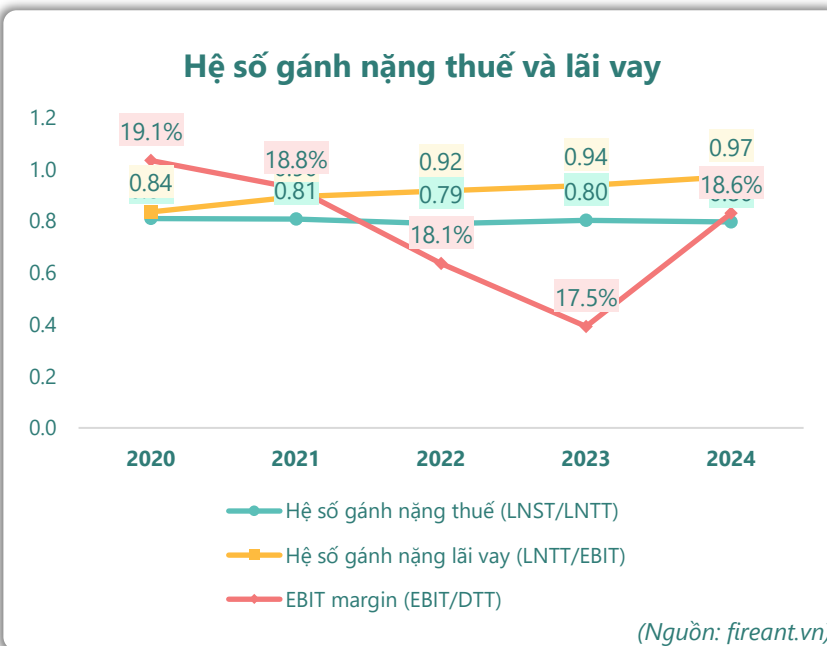
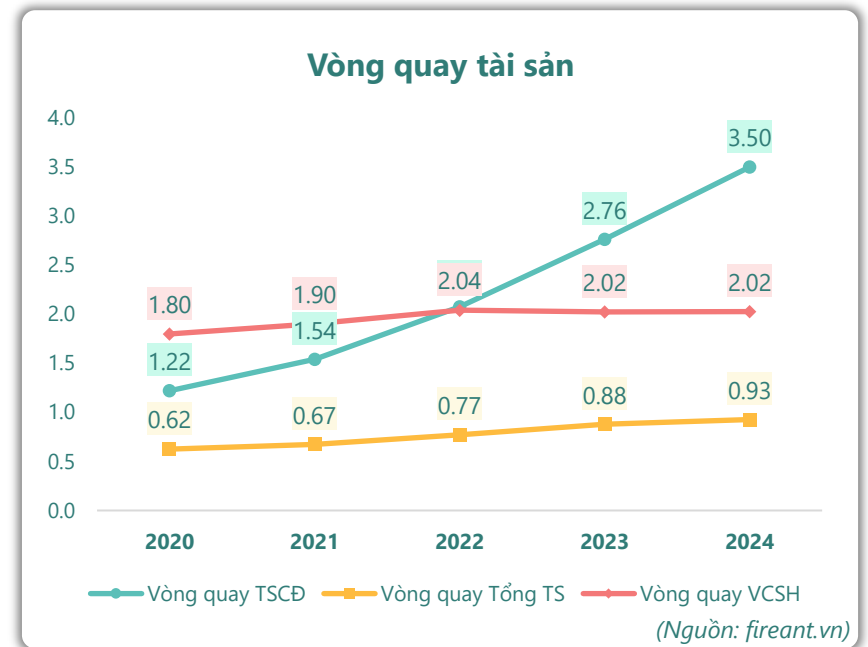
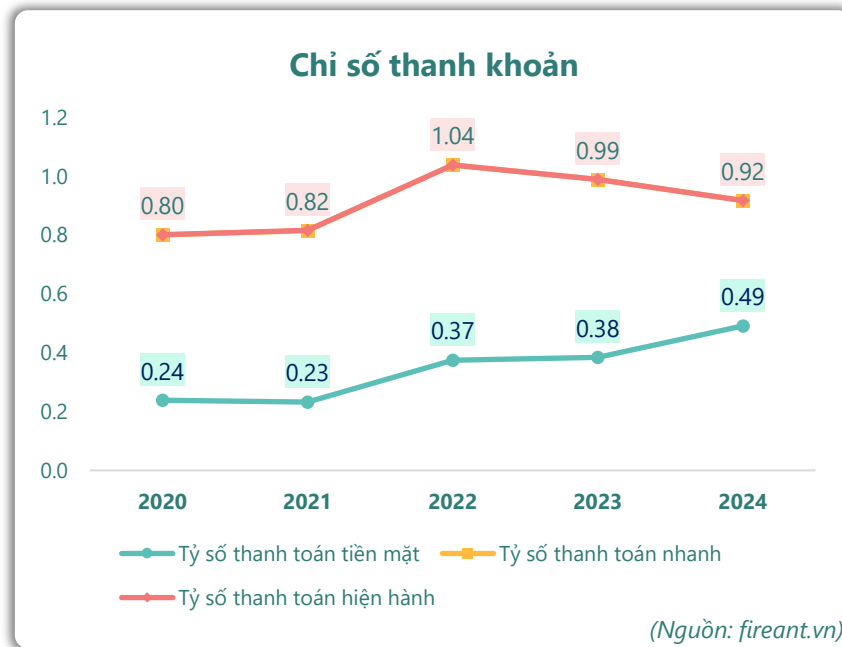
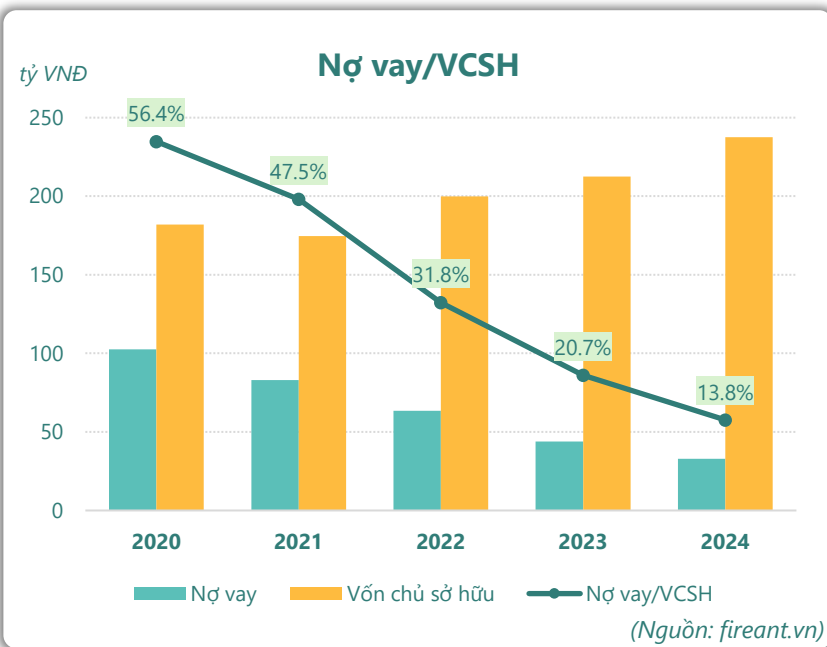
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	128	113	13.3%	383	332	15.5%
Giá vốn hàng bán	88.1	83.1	6.0%	269	242	11.3%
Lợi nhuận gộp	39.9	30.1	32.6%	114	90.2	26.9%
Doanh thu HĐTC	3.51	3.01	16.6%	4.84	3.98	21.8%
Chi phí TC	0.29	0.57	-49.4%	1.08	1.85	-41.6%
Chi phí lãi vay	0.29	0.55	-47.6%	1.08	1.84	-41.1%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0.66	0.88	-25.1%	1.58	1.74	-9.4%
Chi phí QLDN	11.2	10.1	10.9%	30.7	25.6	20.1%
LN thuần từ HĐKD	31.3	21.5	45.4%	85.9	65.0	32.2%
Lợi nhuận khác	0.03	0.05	-33.3%	0.56	0.03	2109%
LN trước thuế	31.3	21.6	44.9%	86.5	65.0	33.0%
Lợi nhuận sau thuế	25.0	17.3	44.7%	69.2	52.0	33.0%
LNST của CĐ cty mẹ	25.0	17.3	44.7%	69.2	52.0	33.0%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	27.7	36.6	6.75	8.42	30.3	39.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-2.05	1.49	-10.00	0.15	-4.36	-6.55
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-4.88	-32.5	3.54	-5.32	-5.32	-46.8
Tiền đầu kỳ	63.5	84.2	89.8	90.1	93.3	114
Lưu chuyển tiền thuần	20.8	5.55	0.29	3.25	20.6	-14.1
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	-0.01	0.01	0	0.02	0.02
Tiền cuối kỳ	84.2	89.8	90.1	93.3	114	99.8

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	532	524	1.5%
Tài sản ngắn hạn	181	168	7.5%
Tiền và tương đương tiền	99.8	90.1	10.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	75.7	78.1	-3.0%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	5.20	0	
Tài sản dài hạn	351	356	-1.3%
Phải thu dài hạn	24.7	25.6	-3.5%
Tài sản cố định	107	126	-15.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.22	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	18.8	18.8	0.0%
Tài sản dài hạn khác	200	186	8.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	270	286	-5.7%
Nợ ngắn hạn	178	183	-2.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	16.4	21.3	-22.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	29.5	57.0	-48.3%
Nợ dài hạn	92.0	103	-10.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	0.44	11.6	-96.2%
Nguồn vốn chủ sở hữu	262	237	10.2%
Vốn chủ sở hữu	262	237	10.2%
Vốn điều lệ	150	150	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

